

## **Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
và  
Các Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh Đô (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) điều chỉnh sau đây:

Giấy CNĐKKD điều chỉnh:

Điều chỉnh lần thứ nhất  
Điều chỉnh lần thứ hai  
Điều chỉnh lần thứ ba  
Điều chỉnh lần thứ tư  
Điều chỉnh lần thứ năm  
Điều chỉnh lần thứ sáu  
Điều chỉnh lần thứ bảy  
Điều chỉnh lần thứ tám  
Điều chỉnh lần thứ chín  
Điều chỉnh lần thứ mười  
Điều chỉnh lần thứ mười một  
Điều chỉnh lần thứ mười hai

Ngày:

26 tháng 11 năm 2002  
22 tháng 9 năm 2003  
11 tháng 12 năm 2003  
3 tháng 8 năm 2004  
7 tháng 10 năm 2004  
11 tháng 5 năm 2005  
18 tháng 5 năm 2006  
6 tháng 7 năm 2006  
6 tháng 11 năm 2007  
10 tháng 10 năm 2008  
21 tháng 1 năm 2010  
1 tháng 11 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010 ngày 8 tháng 5 năm 2010, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận kế hoạch sáp nhập với Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”) và Công ty Cổ phần KIDO (“KIDO”), thông qua việc phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 1,1: 1 (1,1 cổ phiếu hiện hữu của NKD và KIDO sẽ được hoán đổi bằng 1 cổ phiếu mới của Công ty).

Vào ngày 2 tháng 12 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 750/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, chấp thuận cho Công ty phát hành 18.244.743 cổ phiếu mới với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ cho các cổ đông hiện hữu của NKD và KIDO, với mục đích sáp nhập nói trên. Theo đó, việc phân phối cổ phiếu mới của Công ty cho mục đích sáp nhập đã được hoàn thành vào ngày 30 tháng 12 năm 2010, và NKD và KIDO hiện là các công ty con của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Chin Hua	Ủy viên
Bà Vương Bửu Linh	Ủy viên
Ông Cô Gia Thọ	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán độc lập, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

---

Trần Lệ Nguyên  
Phó Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Kinh Đô (“Công ty”), và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 35 (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính riêng”). Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến kiểm toán***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### ***Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 9 – Tài sản cố định vô hình.

Tổng tài sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm một tài sản cố định vô hình trị giá 50.000.000.000 VNĐ thể hiện giá trị của thương hiệu “Kinh Đô” mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô góp vốn vào Công ty. Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận một khoản tương ứng với giá trị tài sản vô hình nói trên vào vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình, và Công văn số 12414/BTC-CĐKT do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 3 tháng 10 năm 2005, thương hiệu được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp thì không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình vì (1) loại thương hiệu này không phải là nguồn lực có thể xác định được, (2) loại thương hiệu này không được đánh giá một cách đáng tin cậy và (3) doanh nghiệp không thể kiểm soát được loại thương hiệu này.

Cũng theo công văn trên, hiện nay cơ chế tài chính của Nhà nước chưa quy định về giá trị quyền sử dụng thương hiệu. Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cũng chưa quy định thương hiệu là tài sản cố định vô hình nên cũng chưa có cơ sở hạch toán. Vì những lý do trên, trong khi Nhà nước chưa hướng dẫn cơ chế tài chính, các công ty không được phép sử dụng thương hiệu để góp vốn.

Công ty đang khấu trừ thương hiệu “Kinh Đô” trong 20 năm và số khấu trừ đã được tính vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.500.000.000 VNĐ, đã làm giảm khoản lợi nhuận thuần sau thuế trong năm với số tiền tương đương. Giá trị khấu trừ lũy kế vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 20.416.667.000 VNĐ đã làm giảm khoản lợi nhuận chưa phân phối cũng vào ngày này với số tiền tương đương. Tương tự, việc ghi nhận tài sản thương hiệu “Kinh Đô” cũng đã làm tăng giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu với số tiền lần lượt là 29.583.333.000 VNĐ và 50.000.000.000 VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### ***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu ở các đoạn trên, thì các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tuy không loại trừ ý kiến của chúng tôi, chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, nêu ra việc Công ty là Công ty mẹ của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Tập đoàn") được lập theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan và được phát hành riêng biệt. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và đưa ra ý kiến loại trừ trong báo cáo của chúng tôi ngày 25 tháng 3 năm 2011.

---

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

---

Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: D.0048/KTV

---

Ronald C. Almera  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: N.0876/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày                      25                      tháng                      3                      năm                      2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.597.000.495.642</b>	<b>2.465.220.973.516</b>
<b>111</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>564.798.974.165</b>	<b>949.242.292.714</b>
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>11</b>	<b>87.005.993.400</b>	<b>514.829.049.600</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		91.811.488.052	518.500.438.052
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.805.494.652)	(3.671.388.452)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>886.812.981.066</b>	<b>952.498.399.304</b>
131	1. Phải thu khách hàng		116.389.044.768	158.780.276.165
132	2. Trả trước cho người bán		29.541.298.121	25.321.130.528
135	3. Các khoản phải thu khác		740.882.638.177	768.396.992.611
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>48.288.106.190</b>	<b>31.792.820.041</b>
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.094.440.821</b>	<b>16.858.411.857</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.368.150.962	11.467.189.709
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		416.321.268	3.728.698.471
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		3.309.968.591	1.662.523.677
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.385.217.828.570</b>	<b>1.259.203.145.908</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>345.000.000</b>	<b>415.000.000</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>133.682.181.597</b>	<b>115.684.213.155</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	65.051.905.357	54.503.978.722
222	Nguyên giá		135.565.551.204	110.932.641.116
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.513.645.847)	(56.428.662.394)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	<b>8</b>	32.440.430	3.701.943.484
225	Nguyên giá		272.499.564	8.997.147.682
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(240.059.134)	(5.295.204.198)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	43.343.512.308	37.638.490.109
228	Nguyên giá		64.376.924.007	55.703.205.595
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(21.033.411.699)	(18.064.715.486)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	25.254.323.502	19.839.800.840
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>2.219.509.842.160</b>	<b>1.125.135.978.656</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		1.091.979.676.500	150.244.380.000
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát		800.500.000.000	384.636.880.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		421.202.213.291	632.649.613.291
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(94.172.047.631)	(42.394.894.635)
<b>270</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>31.680.804.813</b>	<b>17.967.954.097</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.786.385.755	3.973.349.488
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>21.3</b>	27.894.419.058	13.994.604.609
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.982.218.324.212</b>	<b>3.724.424.119.424</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>544.242.503.626</b>	<b>1.373.668.881.370</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>531.212.378.956</b>	<b>1.359.795.021.366</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	99.086.199.909	200.151.638.113
312	2. Phải trả người bán	13	182.818.937.913	93.423.493.901
313	3. Người mua trả tiền trước		16.339.408.232	35.039.819.006
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.363.329.099	56.847.138.310
315	5. Phải trả người lao động		3.792.623.370	8.212.365.745
316	6. Chi phí phải trả		98.629.977.463	42.257.497.284
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	106.952.171.870	923.863.069.007
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.229.731.100	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.030.124.670</b>	<b>13.873.860.004</b>
336	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		13.030.124.670	13.873.860.004
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.437.975.820.586</b>	<b>2.350.755.238.054</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>3.437.975.820.586</b>	<b>2.350.755.238.054</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.195.178.810.000	795.462.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.950.665.093.455	1.395.547.016.955
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(137.401.029.200)	(137.401.029.200)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		986.166.812	324.273.705
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		25.370.280.515	25.370.280.515
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		25.792.635.752	25.792.635.752
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		16.135.952.841	17.002.430.550
420	8. Lợi nhuận chưa phân phối		361.247.910.411	228.657.039.777
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.982.218.324.212</b>	<b>3.724.424.119.424</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ	185.353	104.492

Huỳnh Tấn Vũ  
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	1.970.032.178.449	1.656.744.455.399
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(8.130.898.976)	(4.489.242.864)
10	3. Doanh thu thuần	17.1	1.961.901.279.473	1.652.255.212.535
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(1.637.087.219.362)	(1.421.519.227.630)
20	5. Lợi nhuận gộp		324.814.060.111	230.735.984.905
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	662.970.721.918	270.956.152.504
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	19	(214.633.762.525) (15.817.147.996)	32.439.237.267 (24.544.566.980)
24	8. Chi phí bán hàng		(328.544.821.341)	(129.845.264.960)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(89.837.660.238)	(74.134.495.795)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		354.768.537.925	330.151.613.921
31	11. Thu nhập khác	20	31.449.570.796	373.809.486.059
32	12. Chi phí khác	20	(9.349.795.259)	(125.304.186.907)
40	13. Lợi nhuận khác	20	22.099.775.537	248.505.299.152
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		376.868.313.462	578.656.913.073
51	16. Thuế TNDN hiện hành	21.1	(108.461.738.360)	(58.913.291.360)
52	17. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	21.1	13.899.814.449	10.127.399.607
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế		282.306.389.551	529.871.021.320

Huỳnh Tấn Vũ  
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>376.868.313.462</b>	<b>578.656.913.073</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	7, 8, 9	14.770.722.113	19.671.930.564
03	Các khoản dự phòng		52.911.259.196	(190.813.006.550)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(666.363.327.421)	(412.984.054.293)
06	Chi phí lãi vay	19	15.859.178.040	24.544.566.980
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(205.953.854.610)</b>	<b>19.076.349.774</b>
09	Tăng các khoản phải thu		106.326.334.296	(24.993.491.364)
10	Giảm hàng tồn kho		(16.495.286.149)	3.458.927.911
11	Tăng các khoản phải trả		(612.797.363.315)	825.879.993.665
12	Giảm chi phí trả trước		5.286.002.480	6.735.228.526
13	Tiền lãi vay đã trả		(15.513.856.816)	(25.039.040.980)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(163.152.966.909)	(242.440.085)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.060.183.126)	(1.604.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(911.361.174.149)</b>	<b>803.271.527.447</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(34.719.996.484)	(27.213.418.315)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.594.877.273	4.057.735.000
23	Tiền chi cho vay		(574.500.000.000)	(227.166.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		1.004.600.000.000	246.000.000.000
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(603.911.050.000)	(234.045.380.000)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		853.000.000.000	212.175.917.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		66.900.652.308	159.335.083.873
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>713.964.483.097</b>	<b>133.143.937.558</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		33.649.000.000	-
33	Tiền vay nhận được		383.832.480.068	575.436.101.692
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(484.897.918.272)	(622.455.399.428)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(3.157.032.153)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(120.292.082.400)	(134.947.114.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(187.708.520.604)</b>	<b>(185.123.444.089)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(385.105.211.656)</b>	<b>751.292.020.916</b>
<b>60</b>	<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>949.242.292.714</b>	<b>197.513.293.958</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>661.893.107</b>	<b>436.977.840</b>
<b>70</b>	<b>Tiền tồn cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>564.798.974.165</b>	<b>949.242.292.714</b>

\_\_\_\_\_  
Huỳnh Tấn Vũ  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Kinh Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNDKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy CNDKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 580 (31 tháng 12 năm 2009 là: 245)

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh các báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Các chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày ở Thuyết minh số 11 (gọi chung là “Tập đoàn”). Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con.

**Hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực kể từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Trong năm 2010, Công ty đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 244”) về việc hướng dẫn sửa đổi và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi áp dụng tại Công ty là việc phân loại Quỹ khen thưởng và phúc lợi sang khoản mục Nợ phải trả thay vì khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

Công ty đã áp dụng hồi tố Thông tư 244 và sự thay đổi này làm tăng tổng nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 lên 21.229.731.100 VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: không) và làm giảm tổng vốn chủ sở hữu với số tiền tương đương.

Ngoại trừ thay đổi nêu trên, các chính sách kế toán được Công ty áp dụng cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng là nhất quán với những chính sách kế toán đã sử dụng để lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu, lao động trực tiếp.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.6 Thuê tài sản

Công ty xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó và đánh giá liệu việc thực hiện thỏa thuận này phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)**

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phân ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản do Công ty sẽ được quyền mua lại tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán riêng và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

**3.8 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao/khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao/khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### **3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này

#### **3.12 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **3.13 Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **3.14 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong năm.

#### **3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.16 Trích lập trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được hoãn lại như được trình bày trong đoạn dưới đây.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào kết thúc kỳ kế toán được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Thông tư 201 khác biệt so với các chính sách kế toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“CMKTVN 10”) liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm như sau:

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Theo CMKTVN 10</b>	<b>Theo Thông tư 201</b>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.  Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.

Sự ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng nếu Công ty áp dụng CMKTVN 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là không trọng yếu xét trên phương diện tổng thể của các báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Cổ phiếu ngân quỹ**

Cổ phiếu ngân quỹ thể hiện số cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại và được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ liên quan đến việc mua, bán hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**3.19 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

*Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận thuần sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên nhằm mục đích động viên, khen thưởng dưới hình thức vật chất, nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

**3.20 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.21 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại ( tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Tiền mặt	19.546.444	332.858.423	
Tiền gửi ngân hàng	562.135.742.263	947.452.438.291	
Tiền đang chuyển	2.643.685.458	1.456.996.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>564.798.974.165</b>	<b>949.242.292.714</b>	

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Phải thu từ khách hàng	116.389.044.768	158.780.276.165	
<i>Trong đó, phải thu của:</i>			
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	46.472.110.133	103.535.026.495	
<i>Các bên thứ ba</i>	69.916.934.635	55.245.249.670	
Trả trước cho người bán	29.541.298.121	25.321.130.528	
Các khoản phải thu khác:	740.882.638.177	768.396.992.611	
<i>Trong đó, phải thu khác từ:</i>			
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	576.386.531.397	593.980.293.468	
<i>Bán khoán đầu tư của Công ty</i>	154.993.440.000	155.000.000.000	
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	9.502.666.780	19.416.699.143	
<b>GIÁ TRỊ THUẦN CỦA CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	<b>886.812.981.066</b>	<b>952.498.399.304</b>	

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Hàng hóa	43.301.262.223	21.695.076.583	
Nguyên liệu, vật liệu	3.050.763.775	6.853.293.976	
Hàng mua đang đi trên đường	1,025,773,624	1,464,168,104	
Công cụ, dụng cụ	910,306,568	1,780,281,378	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.288.106.190</b>	<b>31.792.820.041</b>	

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	-	47.038.218.651	38.911.739.835	24.982.682.630	110.932.641.116
Tăng trong năm	2.830.588.944	10.225.539.023	13.061.890.000	3.238.385.561	29.356.403.528
<i>Trong đó:</i>					
<i>Mua mới</i>	-	1.500.890.905	13.061.890.000	3.238.385.561	17.801.166.466
<i>Chuyển từ tài sản thuê tài chính</i>	-	8.724.648.118	-	-	8.724.648.118
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	2.830.588.944	-	-	-	2.830.588.944
Phân loại lại	-	(78.818.176)	-	78.818.176	-
Giảm trong năm					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(3.645.806.840)	(1.077.686.600)	-	(4.723.493.440)
Số cuối năm	2.830.588.944	53.539.132.658	50.895.943.235	28.299.886.367	135.565.551.204
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	17.916.121.555	6.950.293.077	4.900.431.082	29.766.845.714
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	-	27.288.170.225	19.170.112.370	9.970.379.799	56.428.662.394
Tăng trong năm	117.941.206	3.821.250.988	4.969.444.884	2.854.460.305	11.763.097.383
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	5.094.073.581	-	-	5.094.073.581
Giảm trong năm					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(1.966.267.810)	(805.919.701)	-	(2.772.187.511)
Số cuối năm	117.941.206	34.237.226.984	23.333.637.553	12.824.840.104	70.513.645.847
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	-	19.750.048.426	19.741.627.465	15.012.302.831	54.503.978.722
Số cuối năm	2.712.647.738	19.301.905.674	27.562.305.682	15.475.046.263	65.051.905.357

Công ty đã sử dụng máy móc và thiết bị với giá trị là 19.060.377.000 VNĐ để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng (*Thuyết minh* số 12).

# Công ty Cổ phần Kinh Đô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VNĐ

*Máy móc và thiết bị*

### Nguyên giá:

Số đầu năm	8.997.147.682
Giảm trong năm – Chuyển sang tài sản cố định	<u>(8.724.648.118)</u>
Số cuối năm	<u>272.499.564</u>

### Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	5.295.204.198
Khấu hao trong năm	38.928.517
Giảm trong năm – Chuyển sang tài sản cố định	<u>(5.094.073.581)</u>
Số cuối năm	<u>240.059.134</u>

### Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>3.701.943.484</u>
Số cuối năm	<u>32.440.430</u>

Công ty đang thuê máy móc thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam (“ICB”). Theo các hợp đồng thuê tài chính này, Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời gian thuê hết hạn. Công ty không còn các cam kết thực hiện các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31 tháng 12 năm 2009: 921.460.673 VNĐ).

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

*Thương hiệu      Phần mềm kế toán      Tổng cộng*

### Nguyên giá:

Số đầu năm	50.000.000.000	5.703.205.595	55.703.205.595
Tăng trong năm	-	8.673.718.412	8.673.718.412
Số cuối năm	<u>50.000.000.000</u>	<u>14.376.924.007</u>	<u>64.376.924.007</u>

### Giá trị khấu trừ lũy kế:

Số đầu năm	17.916.667.000	148.048.486	18.064.715.486
Khấu trừ trong năm	2.500.000.000	468.696.213	2.968.696.213
Số cuối năm	<u>20.416.667.000</u>	<u>616.744.699</u>	<u>21.033.411.699</u>

### Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>32.083.333.000</u>	<u>5.555.157.109</u>	<u>37.638.490.109</u>
Số cuối năm	<u>29.583.333.000</u>	<u>13.760.179.308</u>	<u>43.343.512.308</u>

### Thương hiệu “Kinh Đô”

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2002, Công ty đã ghi nhận thương hiệu “Kinh Đô” là tài sản cố định vô hình với giá trị là 50.000.000.000 VNĐ, thể hiện phần góp vốn của Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô. Thương hiệu này được khấu trừ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm và đã bao gồm trong tổng tài sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG**

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phát triển phần mềm	21.202.021.606	12.956.910.000
Dự án Hiệp Bình Phước	3.915.968.727	3.915.968.727
Lắp đặt máy móc thiết bị	-	2.830.588.944
Khác	136.333.169	136.333.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.254.323.502</b>	<b>19.839.800.840</b>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh	4.005.993.400	4.729.049.600
Trong đó:		
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	8.811.488.052	8.400.438.052
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(4.805.494.652)	(3.671.388.452)
Đầu tư ngắn hạn khác vào các bên liên quan	83.000.000.000	510.100.000.000
Trong đó:		
Ủy thác đầu tư cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	50.000.000.000	50.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đất Thăng vay	15.000.000.000	-
Cho Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vimec vay	10.000.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương vay	8.000.000.000	8.000.000.000
Cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô vay	-	452.100.000.000
	<b>87.005.993.400</b>	<b>514.829.049.600</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (i)	1.091.979.676.500	150.244.380.000
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát (ii)	800.500.000.000	384.636.880.000
Đầu tư dài hạn khác:	421.202.213.291	632.649.613.291
Trong đó:		
Cổ phiếu	344.368.599.291	426.815.999.291
Trái phiếu Chính phủ	10.000.000	10.000.000
Cho Công ty Cổ phần Hùng Vương vay	-	126.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	76.823.614.000	79.823.614.000
Trong đó:		
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương	43.837.500.000	43.837.500.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Phúc	32.986.114.000	35.986.114.000
	<b>2.313.681.889.791</b>	<b>1.167.530.873.291</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(94.172.047.631)	(42.394.894.635)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.219.509.842.160</b>	<b>1.125.135.978.656</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**i) Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	694.175.525.000	100,00	-	-	
Công ty Cổ phần KIDO	247.559.771.500	100,00	-	-	
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	80.000.000.000	80,00	80.000.000.000	80,00	
Công ty Cổ phần Vinabico	70.244.380.000	51,20	70.244.380.000	51,20	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.091.979.676.500</b>		<b>150.244.380.000</b>		

Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004. Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003. Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Công ty Cổ phần KIDO (“KIDO”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003. Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa khác.

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và Giấy CNĐKKD số 0503000001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000. Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến thực phẩm, bao gồm nhiều dòng bánh chất lượng cao, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, nhiều loại nước giải khát và rượu, thuốc lá sản xuất tại Việt Nam và cho thuê nhà xưởng.

**ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và đồng kiểm soát**

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	600.000.000.000	50,00	-	-	
Công ty TNHH Tân An Phước	200.500.000.000	49,00	197.000.000.000	49,00	
Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Cương	-	50,00	167.086.880.000	50,00	
Công ty Cổ phần KIDO	-	28,33	20.550.000.000	28,33	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>800.500.000.000</b>		<b>384.636.880.000</b>		

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh bất động sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

*ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát* (tiếp theo)

Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. Hoạt động chính của TAP là kinh doanh bất động sản.

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VNĐ</i>
Vay ngắn hạn	99.086.199.909	196.322.831.080	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.940.460.163	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	888.346.870	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.086.199.909</u></b>	<b><u>200.151.638.113</u></b>	

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và số dư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<b>Vay ngắn hạn từ ngân hàng</b>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	30.000.000.000	210 ngày kể từ ngày rút vốn	12%/năm	Chứng khoán trị giá 30 tỷ VNĐ
Ngân hàng TMCP Phương Tây	20.000.000.000	12 tháng kể từ ngày rút vốn	Lãi suất thả nổi cộng biên độ 0,22%/tháng	Các khoản phải thu phát sinh từ hợp đồng mua bán
Ngân hàng Hồng Kông - Thượng Hải (“HSBC”) - VNĐ	13.078.184.501	90 ngày kể từ ngày rút vốn	Từ 11,45% đến 12,55%/năm	Máy móc và thiết bị
HSBC – Đô La Mỹ	1.008.015.408	90 ngày kể từ ngày rút vốn	Từ 4,23% đến 5,50%/năm	Máy móc và thiết bị
Ngân hàng ANZ	5.000.000.000	90 ngày kể từ ngày rút vốn	15,5% /năm	Tín chấp
	<b><u>69.086.199.909</u></b>			

**Vay từ công ty liên quan** (Thuyết minh số 22)

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	<u>30.000.000.000</u>	3 tháng kể từ ngày rút vốn	1% /tháng	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.086.199.909</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 22</i> )	159.965.954.762	77.490.203.507
Phải trả các bên thứ ba	<u>22.852.983.151</u>	<u>15.933.290.394</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>182.818.937.913</u></b>	<b><u>93.423.493.901</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 21.2</i> )	894.804.194	55.586.032.743
Thuế thu nhập cá nhân	887.270.176	575.623.152
Thuế xuất, nhập khẩu	129.124.939	685.482.415
Các loại thuế khác	<u>452.129.790</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.363.329.099</u></b>	<b><u>56.847.138.310</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 22</i> )	100.286.515.554	183.750.131.524
Tiền nhận ký quỹ	1.202.218.796	718.806.560.000
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	161.243.914	-
Kinh phí công đoàn	75.851.080	30.107.280
Bảo hiểm thất nghiệp	1.493.307	1.482.843
Cổ tức phải trả	-	370.856.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>5.224.849.219</u>	<u>20.903.930.560</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.952.171.870</u></b>	<b><u>923.863.069.007</u></b>

## Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ								
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>									
Số đầu năm	571.148.760.000	1.721.013.466.955	(137.401.029.200)	-	25.370.280.515	25.792.635.752	17.002.430.550	(266.166.545.543)	1.956.759.999.029
Phát hành cổ phiếu cổ phiếu thường	224.313.830.000	(224.313.830.000)	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(101.152.620.000)	-	-	-	-	-	101.152.620.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	324.273.705	-	-	-	-	324.273.705
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	529.871.021.320	529.871.021.320
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	(134.596.056.000)	(134.596.056.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(1.604.000.000)	(1.604.000.000)
Số cuối năm	<u>795.462.590.000</u>	<u>1.395.547.016.955</u>	<u>(137.401.029.200)</u>	<u>324.273.705</u>	<u>25.370.280.515</u>	<u>25.792.635.752</u>	<u>17.002.430.550</u>	<u>228.657.039.777</u>	<u>2.350.755.238.054</u>

## Công ty Cổ phần Kinh Đô

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VNĐ								
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay:</b>									
Số đầu năm	795.462.590.000	1.395.547.016.955	(137.401.029.200)	324.273.705	25.370.280.515	25.792.635.752	17.002.430.550	228.657.039.777	2.350.755.238.054
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	16.824.500.000	16.824.500.000	-	-	-	-	-	-	33.649.000.000
Phát hành cổ phiếu thường	200.478.790.000	(200.478.790.000)	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu để hợp nhất kinh doanh	182.412.930.000	738.772.366.500	-	-	-	-	-	-	921.185.296.500
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	661.893.107	-	-	-	-	661.893.107
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	282.306.389.552	282.306.389.552
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	(120.292.082.400)	(120.292.082.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(22.422.197.100)	(22.422.197.100)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	-	(7.001.239.417)	(7.001.239.417)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(866.477.709)	-	(866.477.709)
Số cuối năm	<u>1.195.178.810.000</u>	<u>1.950.665.093.455</u>	<u>(137.401.029.200)</u>	<u>986.166.812</u>	<u>25.370.280.515</u>	<u>25.792.635.752</u>	<u>16.135.952.841</u>	<u>361.247.910.411</u>	<u>3.437.975.820.586</u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010 ngày 8 tháng 5 năm 2010, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận kế hoạch sáp nhập với Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”) và Công ty Cổ phần KIDO (“KIDO”), thông qua việc phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 1,1: 1 (1,1 cổ phiếu hiện hữu của NKD và KIDO sẽ được hoán đổi bằng 1 cổ phiếu mới của Công ty).

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 18.244.743 cổ phiếu mới với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ cho các cổ đông hiện hữu của NKD và KIDO. Theo đó, việc phân phối cổ phiếu mới của Công ty cho mục đích sáp nhập đã được hoàn thành và NKD và KIDO hiện là các công ty con của Công ty.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình xin sửa đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh liên quan đến số vốn cổ phần tăng lên do việc phát hành cổ phiếu mới cho mục đích sáp nhập được đề cập ở trên từ các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu năm	795.462.590.000	571.148.760.000
Vốn tăng trong năm	399.716.220.000	224.313.830.000
Vốn cuối năm	1.195.178.810.000	795.462.590.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã trả bằng tiền mặt	120.292.082.400	134.596.056.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	200.478.790.000	224.313.830.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.770.872.400</b>	<b>358.909.886.000</b>

**16.3 Cổ phiếu**

	Năm nay Số cổ phiếu	Năm trước Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	119.517.881	79.546.259
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	119.517.881	79.546.259
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	118.484.695	78.513.073

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng**

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.970.032.178.449</b>	<b>1.656.744.455.399</b>
Trong đó:		
Doanh thu hàng hóa đã bán	1.970.032.178.449	1.641.584.131.569
Doanh thu thành phẩm đã bán	-	15.160.323.830
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(8.130.898.976)	(4.489.242.864)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.961.901.279.473</b>	<b>1.652.255.212.535</b>

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	556.913.120.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	93.210.778.977	50.272.004.566
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.595.857.100	220.235.911.640
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	250.965.841	443.754.072
Khác	-	4.482.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>662.970.721.918</b>	<b>270.956.152.504</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.637.087.219.362	1.420.984.022.487
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	535.205.143
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.637.087.219.362</u></b>	<b><u>1.421.519.227.630</u></b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phí môi giới thanh lý các khoản đầu tư	144.697.784.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	52.911.259.196	-
Lãi tiền vay	15.817.147.996	24.260.415.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.165.541.289	1.758.891.845
Lãi thuê tài chính	42.030.044	284.151.257
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	131.882.456.057
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	(190.663.658.737)
Khác	-	38.506.588
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>214.633.762.525</u></b>	<b><u>(32.439.237.267)</u></b>

**20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>31.449.570.796</b>	<b>373.809.486.059</b>
Thu nhập từ phí hỗ trợ di dời nhà xưởng	7.272.727.273	-
Thu nhập từ phí tư vấn thiết lập kế hoạch, chiến lược và hệ thống kiểm soát nội bộ	7.000.000.000	-
Thu nhập từ phân bổ chi phí quảng cáo	7.000.000.000	8.000.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.594.877.273	5.257.735.000
Thu nhập từ cho thuê nhà xưởng và máy móc	2.244.674.558	4.704.820.818
Thu nhập từ chuyển giao quyền tài trợ và đào tạo phần mềm SAP	521.063.000	29.378.744.773
Thu nhập từ bán phế liệu	182.727.273	389.384.283
Bồi thường từ các nhà cung cấp	1.000.000	-
Thu nhập từ đánh giá lại quyền sử dụng đất để đầu tư vào công ty liên kết	-	319.661.468.800
Thu nhập khác	4.632.501.419	6.417.332.385
<b>Chi phí khác</b>	<b>(9.349.795.259)</b>	<b>(125.304.186.907)</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(1.951.305.929)	(42.869.683.552)
Chi phí bán phế liệu	(182.803.046)	(389.649.000)
Thuế chuyển mục đích sử dụng đất	-	(34.594.000.000)
Chi phí chuyển giao quyền tài trợ và đào tạo phần mềm SAP	-	(22.988.199.250)
Chi phí thanh lý dự án	-	(8.500.000.000)
Chi phí từ cho thuê nhà xưởng và máy móc	-	(4.843.565.420)
Chi phí khác	(7.215.686.284)	(11.119.089.685)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN</b>	<b><u>22.099.775.537</u></b>	<b><u>248.505.299.152</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (3) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 21.1 Thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(108.461.738.360)	(58.913.291.360)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	<u>13.899.814.449</u>	<u>10.127.399.607</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(94.561.923.911)</u></b>	<b><u>(48.785.891.753)</u></b>

### 21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và lợi nhuận kế toán theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>376.868.313.462</b>	<b>578.656.913.073</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Các khoản chi phí trích trước	56.380.579.562	42.166.971.999
Chi phí quảng cáo vượt mức 10%	9.016.546.278	8.364.065.015
Khấu trừ của lợi thế thương mại	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	2.480.621.572	2.171.680.729
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(843.735.334)	-
Tiền phạt	40.485.000	-
Cổ tức nhận được	<u>(12.595.857.100)</u>	<u>(220.235.911.640)</u>
<b>Lợi nhuận tính thuế trước khi chuyển lỗ</b>	<b><u>433.846.953.440</u></b>	<b><u>413.623.719.176</u></b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	<u>(178.940.314.077)</u>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>433.846.953.440</b>	<b>234.683.405.099</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>108.461.738.360</b>	<b>58.670.851.275</b>
Thuế TNDN phải thu đầu năm	55.586.032.743	(3.084.818.532)
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	-	242.440.085
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(163.152.966.909)</u>	<u>(242.440.085)</u>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>894.804.194</u></b>	<b><u>55.586.032.743</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

VNĐ

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí trích trước	24.636.887.890	10.541.743.000	14.095.144.890	10.541.743.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.257.531.168	3.452.861.609	(195.330.441)	(414.343.393)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.894.419.058</b>	<b>13.994.604.609</b>	<b>13.899.814.449</b>	<b>10.127.399.607</b>

**21.4 Thuế TNDN liên quan đến các khoản ưu đãi**

Trong hai năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai với Tổng Cục thuế (“TCT”) là Công ty được miễn 100% thuế TNDN bao gồm 50% được miễn theo Luật thuế TNDN và 50% được miễn từ việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Việc miễn thuế này được cho phép bởi TCT thông qua việc ban hành Công văn số 1309/TCT-PCCS vào ngày 11 tháng 4 năm 2006.

Tuy nhiên, theo Điều 43 của Nghị định 24/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN, nếu trong cùng một thời gian, nếu cơ sở kinh doanh có một khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì cơ sở kinh doanh đó phải tự lựa chọn một trong những trường hợp miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết.

Căn cứ theo Nghị định trên thì Công ty đã không được miễn 100% thuế TNDN trong hai năm 2006 và 2007. Thay vào đó, Công ty phải lựa chọn một trong hai trường hợp được miễn thuế TNDN có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết.

Thực hiện Quyết định số 454/QĐ-TTCP do Tổng thanh tra Chính phủ ban hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2008 về việc thanh tra thực hiện chính sách pháp luật về thuế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đoàn Thanh tra của Chính phủ, sau khi kết thúc việc kiểm tra tại Công ty vào ngày 10 tháng 10 năm 2008, đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp bổ sung số thuế TNDN không được miễn trong hai năm 2006 và 2007 với số tiền là 57.381.543.000 VNĐ vào Ngân sách Nhà nước.

Theo Thông báo số 318/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu sẽ được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong hai năm kể từ khi có chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Thông báo trên không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản ưu đãi thuế khác nhau hay không.

Vào Ngày 25 tháng 3 năm 2009, Công ty nhận được một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Bộ Tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có chứng khoán niêm yết lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ. Vào ngày lập các báo cáo tài chính riêng này, quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa được ban hành và Công ty tin rằng khả năng mà Công ty phải nộp khoản thuế TNDN bổ sung nêu trên là rất thấp.

Với các thông tin nêu trên và theo CMKTVN số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Công ty đã không ghi nhận khoản thuế TNDN phải trả với số tiền nêu trên có thể phát sinh từ vấn đề này trong các báo cáo tài chính riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

				VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>		<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Mua thành phẩm	(1.423.670.172.910)	
		Bán thành phẩm	80.264.055.826	
		Mua nguyên vật liệu, bao bì	(25.721.984.634)	
		Bán nguyên vật liệu, bao bì	16.619.032.742	
		Cung cấp dịch vụ bảo trì	3.159.190.098	
		Bán tài sản	964.400.000	
		Phí bảo trì	(167.898.750)	
Công ty Cổ phần Vinabico	Công ty con	Mua thành phẩm	(36.106.102.347)	
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ	(11.638.000)	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	34.449.178.880	
		Bán tài sản	-	
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ	1.498.238.880	
		Chi phí trả hộ		
		Các khoản phí khác	(25.500.000)	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì	(439.636.160)	
		Bán thành phẩm	128.722.888.028	
		Bán nguyên vật liệu, bao bì và công cụ dụng cụ	36.493.141.007	
		Bán tài sản	1.133.909.091	
		Chi phí quảng cáo và thuê máy chủ	16.009.101.800	
		Chi phí trả hộ	353.686.759	
		Mua nguyên vật liệu, bao bì	(178.681.839)	
		Thu hộ	(20.025.389)	
		Thu lãi vay	293.760.000	
		Mua thành phẩm	(5.685.493.437)	
		Nợ vay phải trả	30.000.000.000	
		Lãi vay phải trả	(1.070.000.000)	
		Vay ngắn hạn	12.000.000.000	
Đầu tư	694.175.525			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Đầu tư	303.500.000.000	
		Phí thanh lý các khoản đầu tư	(251.128.385.455)	
		Thu tiền lãi vay	38.905.983.332	
		Bán cổ phiếu	1.780.800	
		Chi phí trả hộ	250.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

				VNĐ
<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>		<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần KIDO	Công ty con	Vay ngắn hạn		19.000.000.000
		Dịch vụ ủy thác		2.136.806.651
		Thu lãi vay		551.666.666
		Bán thành phẩm		153.108.554
		Mua thành phẩm		(85.640.762)
		Chi hộ		31.833.000
		Chi phí lãi vay		(13.905.211)
		Bán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ		12.347.351
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(11.617.032.905)	
		Tiền thu từ lãi vay	1.024.000.001	
Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi hộ	58.600.000	
		Thu hộ	(6.252.418)	
Chi nhánh Công ty thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(187.999.927)	
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	21.324.801	
Công ty TNHH Thương mại Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	8.000.000	
Công ty Cổ phần Tribeco Bình Dương	Công ty liên quan	Thu tiền lãi vay	3.815.995	
Công ty TNHH Thương Phú Gia	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	3.000.000	
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên kết	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.000.000.000	
		Chi phí trả hộ	277.848.616	
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	5.711.707.371	
Ông Trần Lê Nguyên	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	255.834.228.495	
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	990.584.986	
Ông Trần Quốc Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	4.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 11, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>VNĐ</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ Chi phí trả hộ	29.403.021.165 119.246.550	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	15.554.973.953	
Công ty Cổ phần KIDO	Công ty con	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ Chi phí trả hộ	1.039.485.939 31.833.000	
Chi nhánh Công ty Xây dựng và Chế biến TNHH Thực phẩm Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	297.926.809	
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	4.297.916	
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	21.324.801	
			<b>46.472.110.133</b>	
<b><i>Phải thu khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Chi trả hộ	16.002.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Chi trả hộ	58.600.000	
Công ty TNHH Thương Phú Gia	Công ty liên quan	Chi trả hộ	13.720.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi trả hộ	9.243.299.913	
Công ty Thương mại Kinh Đô	Công ty liên quan	Chi trả hộ	21.780.000	
Công ty Cổ phần Khai Sáng	Công ty liên quan	Chi trả hộ	162.037.200	
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên kết	Chi trả hộ	297.866.616	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 11, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

			VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
<b><i>Phải thu khác (tiếp theo)</i></b>			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu lãi tiền vay Chi trả hộ Bán cổ phiếu	143.765.466.665 22.276.156.113 6.813.341.808
Công ty TNHH Tribeco Bình Dương	Công ty liên quan	Chi trả hộ	96.000.000
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	324.393.147.253
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	52.546.972.760
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	7.294.056.069
Ông Trần Quốc Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	7.700.000.000
Ông Trần Bội Nguyên	Cổ đông	Tạm ứng	937.480.000
Bà TRẦN Diệu Hương	Cổ đông	Tạm ứng	300.000.000
Ông Trần Bội Tài	Cổ đông	Tạm ứng	450.605.000
			<b><u>576.386.531.397</u></b>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty cổ phần Kinh Đô miền Bắc	Công ty con	Vay	<u>30.000.000.000</u>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	(157.394.839.542)
Công ty Cổ phần Vinabico	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	(2.021.716.967)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	(423.825.576)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	(9.488.220)
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu, bao bì và công cụ, dụng cụ	(116.084.457)
			<b><u>(159.965.954.762)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 12, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>VNĐ</i>
<b>Phải trả khác</b>				
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	(100.000.000.000)	
Công ty Bất động sản Kinh Đô	Công ty liên quan	Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	(105.750.000)	
Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô	Công ty liên quan	Khoản đầu tư ủy thác	(176.987.620)	
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc	Công ty con	Khoản đầu tư ủy thác	(3.777.934)	
			<b>(100.286.515.554)</b>	

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng.

**24. CÁC SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số tài khoản sử dụng trong các báo cáo tài chính riêng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính riêng của năm nay.

\_\_\_\_\_  
Huỳnh Tấn Vũ  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2011